

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN QUAN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30-11-2020
Về việc ly hôn và vay nợ chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN QUAN, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Mỹ Phước

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vi Thiện Hào

Bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Bích - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: ông Vi Doanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 74/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 và thông báo thụ lý bổ sung số: 74a/TLSTBS-HNGĐ ngày 28/10/2020 về việc xin ly hôn, vay nợ chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

- *Bị đơn:* Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, người đại diện theo pháp luật là ông Dương Quyết T, Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền là ông Hoàng Tuấn N, chức vụ Phó Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V, tỉnh Lạng Sơn (Văn bản ủy quyền ngày 02/11/2020). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 09 năm 2020 và đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 28 tháng 10 năm 2020, các bản tự khai và tại phiên tòa anh Hoàng

Văn T trình bày: Anh và chị Hoàng Thị L có tổ chức lễ cưới từ năm 2000, nhưng không có đăng ký kết hôn, trước khi cưới không được tìm hiểu, nhưng hai bên đều tự nguyện, không ai ép buộc. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn, đánh chửi nhau bao giờ. Nhưng do vợ chồng không có con chung nên đến tháng 6 năm 2019 chị Hoàng Thị L bỏ nhà đi, từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, Chị Hoàng Thị L không liên lạc gì với gia đình, không còn quan tâm đến anh nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hoàng Thị L.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về vay nợ chung: Trong quá trình chung sống anh Hoàng Văn T có vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện V theo chương trình Dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn, theo quyết định 33, quyết định 54 của Thủ tướng chính phủ và vay ưu đãi hộ nghèo với tổng số tiền là 83.000.000đ, cụ thể các khoản như sau: Ngày 30/11/2016 vay số tiền là 8.000.000đ, mục đích sử dụng vốn trồng rừng hoi, mã món vay: 6600000709082698, thời hạn vay 60 tháng, ngày đến hạn trả nợ là 12/11/2021, lãi suất 0,1%/tháng; Ngày 12/3/2018 vay số tiền là 50.000.000đ, mục đích sử dụng vốn là tu bổ trồng rừng keo, mã món vay: 6600000711965359, thời hạn vay 60 tháng, ngày đến hạn trả nợ là 12/3/2023, lãi suất 0,55%/tháng, đã trả lãi cho Ngân hàng đến hết tháng 9/2020; Ngày 12/7/2018 vay số tiền là 25.000.000đ, mục đích sử dụng làm nhà ở, mã món vay: 6600000713265031, thời hạn vay 60 tháng, ngày đến hạn trả nợ là 12/7/2033, lãi suất 3%/1 năm. Đối với các khoản vay nợ này do anh tự vay, chị Hoàng Thị L hoàn toàn không biết. Khi ly hôn anh Hoàng Văn T tự chịu trách nhiệm trả tiền nợ gốc là 83.000.000đ và lãi phát sinh cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện V, tỉnh Lạng Sơn.

Bị đơn chị Hoàng Thị L trình bày tại bản tự khai ngày 16/10/2020, biên bản lấy lời khai ngày 20/10/2020, ngày 02/11/2020 và tại phiên tòa hôm nay: Về quan hệ hôn nhân thống nhất với lời trình bày của anh Hoàng Văn T. Hai người đến với nhau là do hai bên gia đình mai mối, nhưng có tổ chức lễ cưới và tự nguyện chung sống như vợ chồng, trong quá trình chung sống vợ chồng không xảy ra mâu thuẫn gì. Đến tháng 4/2019 anh Hoàng Văn T gây gỗ và đánh chửi chị 02 lần, dẫn đến chị bị đau phải đi viện điều trị, tháng 6/2019 chị đi làm thuê kiếm tiền, khi quay về thì mẹ chồng gọi họ hàng đến và đuổi chị ra khỏi nhà, từ đó chị về bên ngoại ở cho đến nay và vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau nữa. Nay xác định vợ chồng không có tình cảm, anh Hoàng Văn T xin ly hôn chị cũng nhất trí.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Đối với các khoản nợ do anh Hoàng Văn T đứng tên vay Ngân hàng chính sách huyện V chị hoàn toàn không biết, nay anh Hoàng Văn T tự chịu trách nhiệm trả chị cũng đồng ý.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Hoàng Tuấn N người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam trình bày: Anh Hoàng Văn T và chị Hoàng Thị L có vay vốn tại phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V gồm 03 món vay, cụ thể: Ngày 30/11/2016 anh Hoàng Văn T vay theo chương trình hộ dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn theo quyết định 33, quyết định 54 với mục đích trồng rừng keo, theo mã món vay: 6600000709082698, số tiền là 8.000.000 đồng, thời hạn cho vay 60 tháng, lãi suất 0,1%/tháng (lãi suất 1,2%/năm), hạn trả cuối cùng là 12/11/2021; Ngày 12/3/2018 anh Hoàng Văn T vay theo chương trình hộ nghèo mục đích tu bổ và trồng rừng keo với số tiền là 50.000.000 đồng, mã món vay: 6600000711965359, thời hạn cho vay 60 tháng, lãi suất 0,55%/tháng, hạn trả nợ cuối cùng là 12/3/2023; Ngày 12/7/2018 anh Hoàng Văn T vay theo chương trình hộ nghèo về nhà ở theo quyết định 33, mã món vay: 6600000713265031, số tiền là 25.000.000đ, lãi suất 3%/năm, hạn trả nợ cuối cùng là ngày 12/7/2033. Tính đến ngày 02/11/2020 tổng số tiền hộ gia đình anh Hoàng Văn T còn nợ là 84.697.268 đồng, trong đó số tiền gốc 83.000.000 đồng, số tiền lãi 1.697.268 đồng. Khi ly hôn đề nghị anh Hoàng Văn T, chị Hoàng Thị L phải cùng có trách nhiệm trả hết nợ gốc và tiền lãi phát sinh vay cho Ngân hàng cho đến khi hết thời hạn theo Hợp đồng vay đã ký kết.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Do quan hệ hôn nhân của anh Hoàng Văn T và chị Hoàng Thị L không có đăng ký kết hôn, do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải về quan hệ hôn nhân. Tại phiên hòa giải ngày 05/11/2020, anh Hoàng Văn T và chị Hoàng Thị L, đại diện Ngân hàng chính sách xã hội đã thỏa thuận anh Hoàng Văn T có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền gốc và lãi các khoản vay nêu trên.

Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm không có ý kiến gì thay đổi về trách nhiệm trả nợ.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tiến hành tố tụng thu thập tài liệu chứng cứ và tổng đạt các văn bản, quyết định đúng trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ giữa anh Hoàng Văn T và chị Hoàng Thị L là quan hệ vợ chồng. Không xem xét về con chung và tài sản chung. Về nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, anh Hoàng Văn T trả toàn bộ số tiền gốc là 83.000.000 đồng và lãi phát sinh cho phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V, tỉnh Lạng Sơn. Anh Hoàng Văn T được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Quá trình kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Hoàng Văn T và chị Hoàng Thị L có tổ chức cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, có đủ điều kiện kết hôn nhưng do không hiểu biết pháp luật nên đến nay anh, chị không đi đăng ký kết hôn theo quy định, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã H, huyện Văn Quan. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn, hai người đã sống ly thân từ tháng 6/2019 đến nay, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay anh Hoàng Văn T xin ly hôn được chị Hoàng Thị L nhất trí. Hội đồng xét xử thấy, do cuộc hôn nhân của anh chị không tuân thủ theo quy định tại khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 không công nhận anh Hoàng Văn T và chị Hoàng Thị L là quan hệ vợ chồng.

[2] Về con chung: Không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[3] Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết, do vậy Hội đồng xét xử đề cập không xem xét.

[4] Về nợ chung: Tại phiên hòa giải ngày 05/11/2020 nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thỏa thuận được với nhau về nghĩa vụ thanh toán nợ, do vậy hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, anh Hoàng Văn T có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 02/11/2020 tổng số tiền là 84.697.268 đồng, trong đó số tiền gốc là 83.000.000 đồng, số tiền lãi là 1.697.268 đồng. Thời hạn trả nợ được thực hiện theo Hợp đồng vay vốn đã ký kết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn là người dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn, thuộc hộ nghèo, có đơn xin miễn án phí, nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 264; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 357, 468 Bộ luật dân sự; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Hoàng Văn T và chị Hoàng Thị L là vợ chồng.

2. Về nợ chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Hoàng Văn T, chị Hoàng Thị L và Ngân hàng chính sách xã hội, phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V, tỉnh Lạng Sơn: Anh Hoàng Văn T có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc theo các mã món vay như sau: mã vay 6600000709082698, số tiền là 8.000.000đ, lãi suất 0,1%/tháng (lãi suất 1,2%/năm); mã vay: 6600000711965359, lãi suất 0,55%/tháng; mã vay: 6600000713265031, số tiền là 25.000.000đ, lãi suất 3%/năm, số tiền lãi của cả ba món vay là 1.697.268 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 02/11/2020 là 84.697.268 đồng. Thời hạn trả nợ gốc và lãi phát sinh của anh Hoàng Văn T được thực hiện theo Hợp đồng mã vay số 6600000709082698, số 6600000711965359 và 6600000713265031.

2. Về án phí: Anh Hoàng Văn T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh Hoàng Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2012/03984 ngày 07/10/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Quan, tỉnh Lạng Sơn.

Án xử công khai sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án đương niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND H. Văn Quan, T. Lạng Sơn
- CCTHADS H. Văn Quan, T. Lạng Sơn.
- UBND xã H, huyện V, tỉnh Lạng Sơn.
- Các đương sự (Theo địa chỉ);
- Lưu: HS + Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thị Mỹ Phước